FireAnt

CTCP Lilama 18 (HSX: LM8)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	14,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,794
SL cổ phiếu LH	9,388,682
KLGD BQ 20 phiên (CP)	650
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	131
P/E	7.8
EPS	1,797

	YTD	1T	3T	6T
LM8	-4.4%	0.0%	0.0%	-4.1%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản

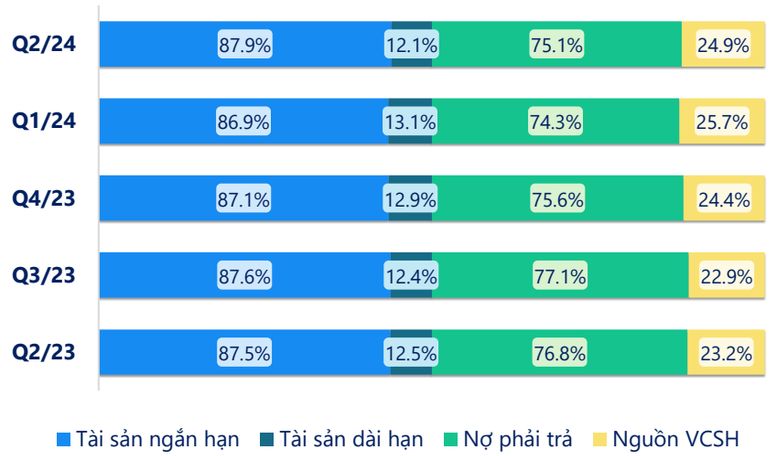

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

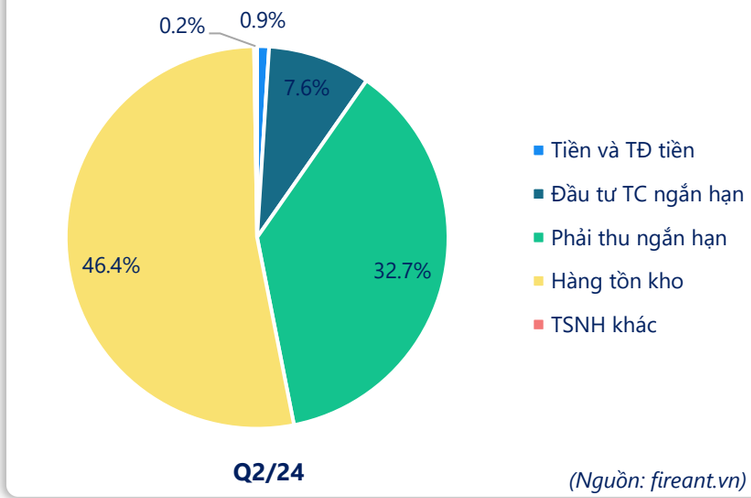

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

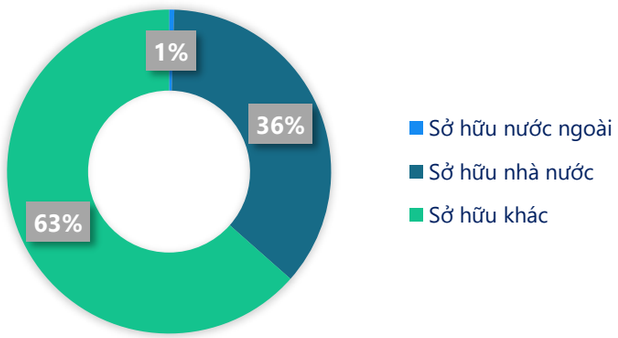

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

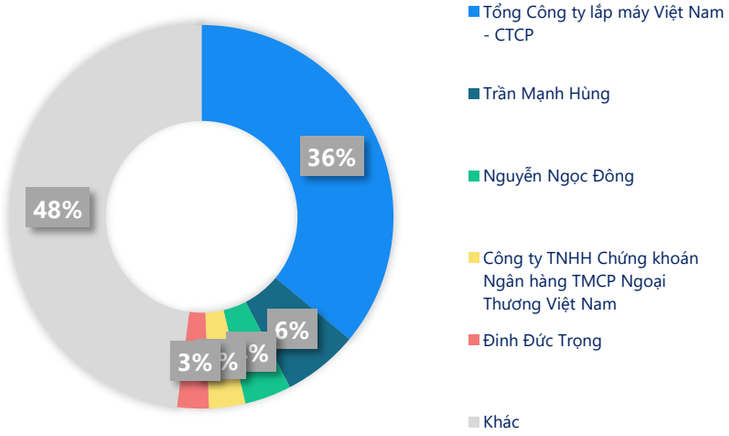

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

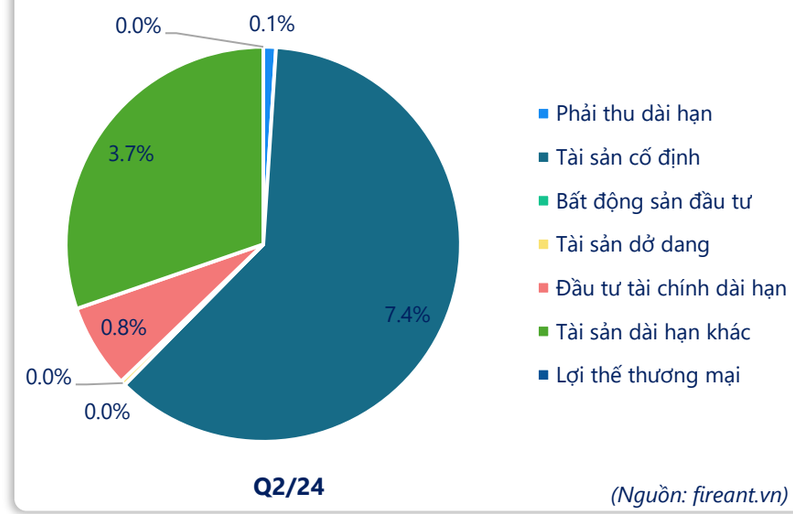

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Lilama 18 (HSX: LM8)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

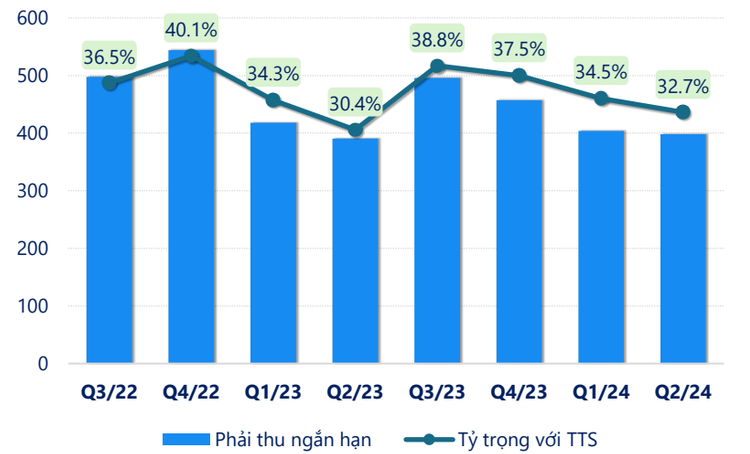

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

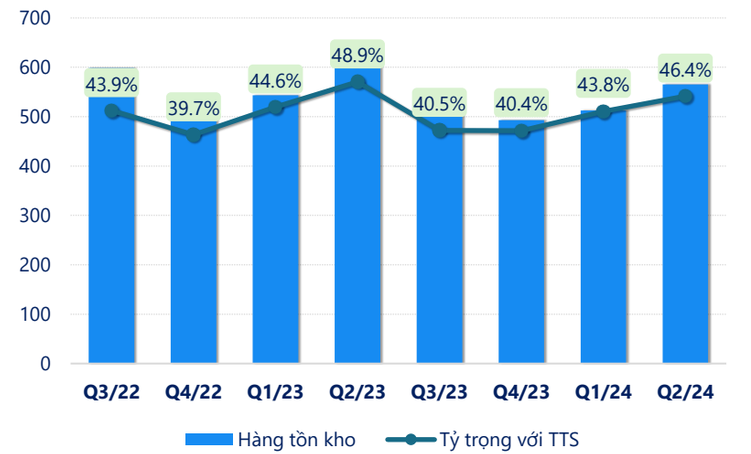

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

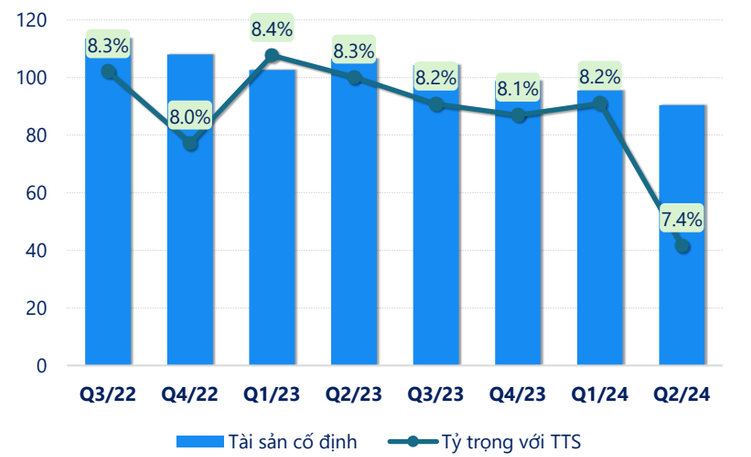

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

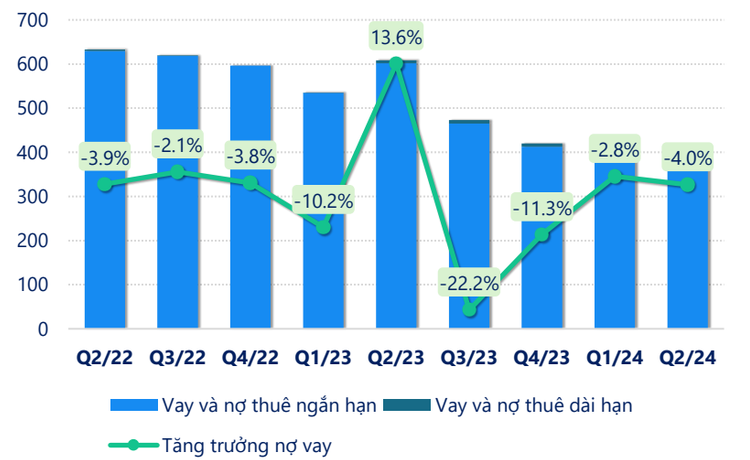

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

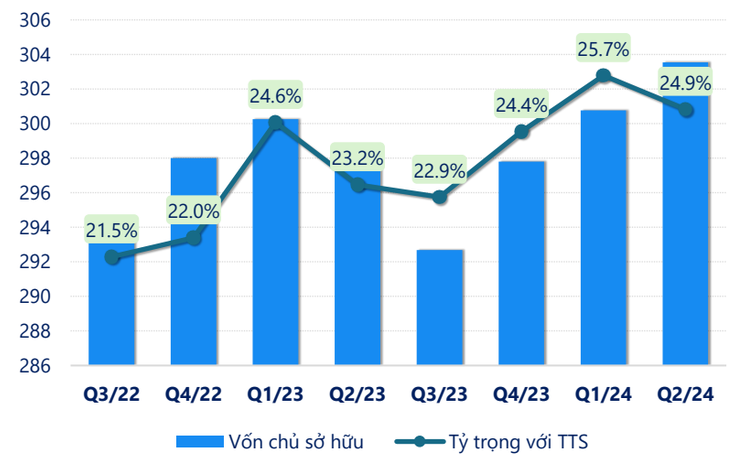

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Lilama 18 (HSX: LM8)

Kết quả kinh doanh

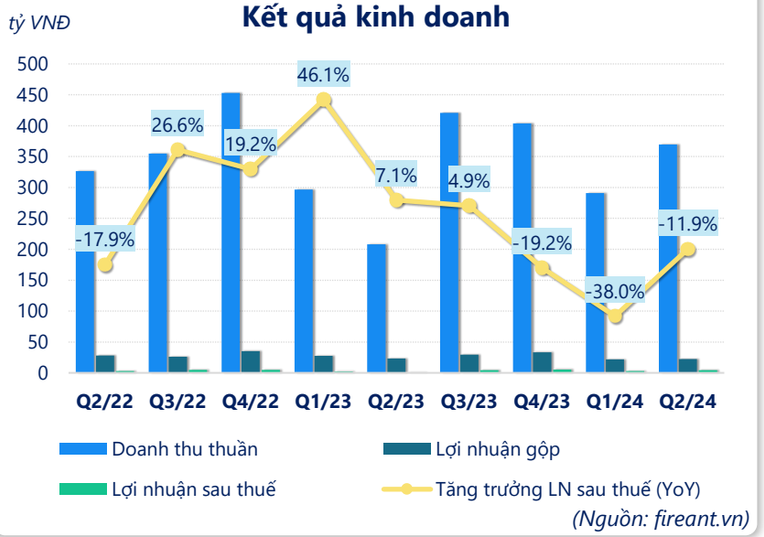

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

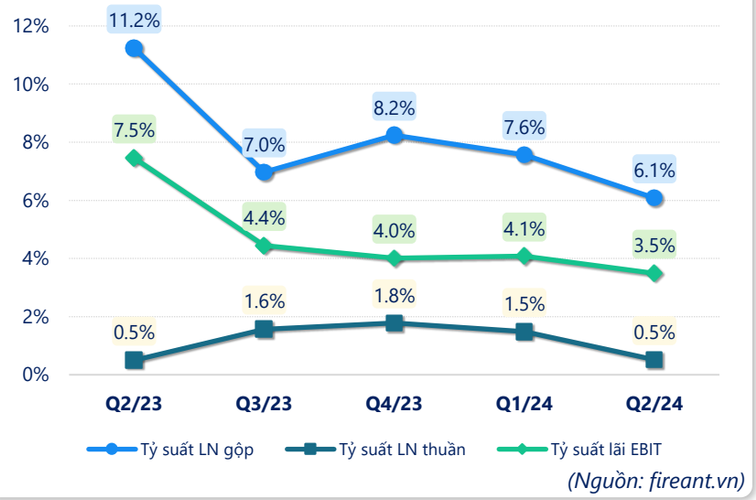

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

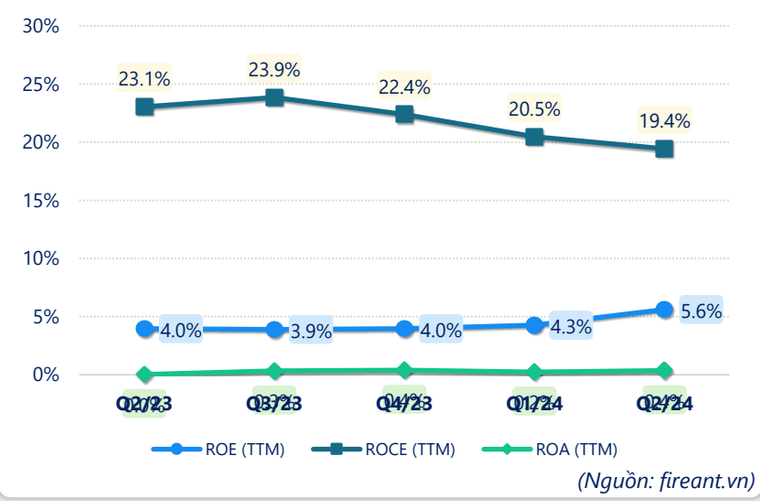

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

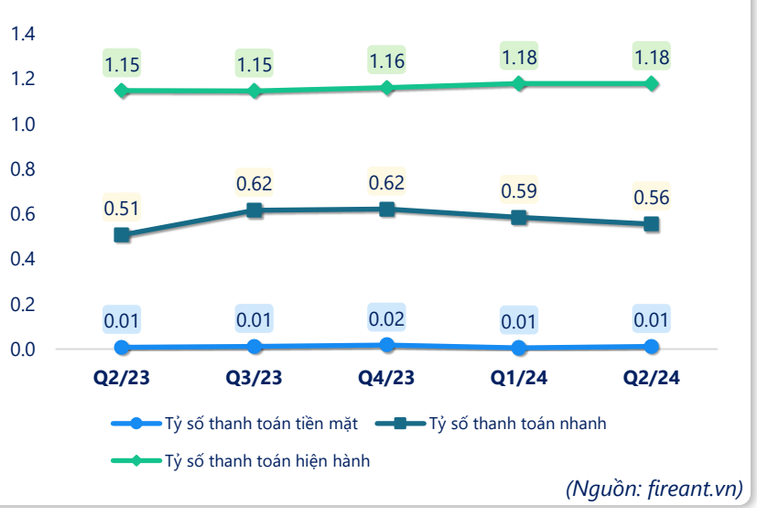

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

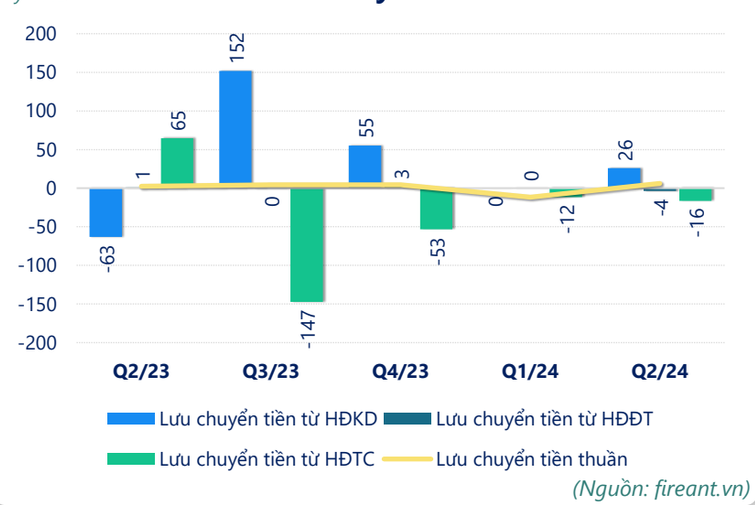

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Lilama 18 (HSX: LM8)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,218**	**1,220**	**-0.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,070	1,062	0.8%
Tiền và tương đương tiền	10.8	16.4	-34.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	93.0	93.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	398	457	-12.9%
Hàng tồn kho	565	493	14.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.72	2.15	26.6%
Tài sản dài hạn	**147**	**158**	**-6.6%**
Phải thu dài hạn	1.52	1.52	0.0%
Tài sản cố định	90.4	98.8	-8.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.59	0.58	2.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.2	10.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**44.6**	**46.6**	**-4.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	914	922	-0.9%
Nợ ngắn hạn	**908**	**915**	**-0.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	386	413	-6.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	169	164	3.0%
Nợ dài hạn	5.69	7.14	-20.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.69	7.14	-20.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**304**	**298**	**1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**304**	**298**	**1.9%**
Vốn điều lệ	93.9	93.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	208	421	404	291	370
Giá vốn hàng bán	185	391	370	269	347
Lợi nhuận gộp	23.4	29.3	33.2	22.0	22.5
Doanh thu HĐTC	2.56	1.82	1.47	1.43	2.65
Chi phí TC	13.7	12.3	9.26	7.77	7.44
Chi phí lãi vay	13.7	12.3	9.26	7.74	7.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	11.2	12.2	18.3	11.4	15.8
LN thuần từ HĐKD	1.04	6.60	7.19	4.31	1.91
Lợi nhuận khác	0.81	-0.16	-0.28	-0.19	3.84
LN trước thuế	1.85	6.44	6.91	4.12	5.74
Lợi nhuận sau thuế	0.36	4.35	5.12	2.97	4.43
LNST của CĐ cty mẹ	0.36	4.35	5.12	2.97	4.43

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-63.1	152	55.1	-0.33	26.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.97	-0.41	2.74	0.35	-3.65
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	64.5	-147	-53.4	-11.7	-16.4
Tiền đầu kỳ	5.34	7.76	12.0	16.4	4.68
Lưu chuyển tiền thuần	**2.42**	**4.21**	**4.41**	**-11.7**	**6.10**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	7.76	12.0	16.4	4.68	10.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic